

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố
và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006, Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-TNMT ngày 23/11/2012 về việc đề nghị ban hành quy định phân khu vực,

phân loại đường phố, phân vị trí đất và giá các loại đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo hệ thống biểu sau:

1. Đối với nhóm đất nông nghiệp

a) Đất trồng cây hàng năm, gồm:

- Biểu số 01NH/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Na Hang;
- Biểu số 01LB/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Lâm Bình;
- Biểu số 01CH/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 01HY/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Hàm Yên;
- Biểu số 01SD/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Sơn Dương;
- Biểu số 01YS/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm huyện Yên Sơn;
- Biểu số 01TP/PL-CHN phân loại đất trồng cây hàng năm thành phố Tuyên Quang.

b) Đất trồng cây lâu năm, gồm:

- Biểu số 02NH/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Na Hang;
- Biểu số 02LB/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Lâm Bình;
- Biểu số 02CH/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Chiêm Hóa;

- Biểu số 02HY/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Hàm Yên;
- Biểu số 02SD/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Sơn Dương;
- Biểu số 02YS/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm huyện Yên Sơn;
- Biểu số 02TP/PL-CLN phân loại đất trồng cây lâu năm thành phố Tuyên Quang.

c) Đất trồng rừng sản xuất, gồm:

- Biểu số 03NH/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Na Hang;
- Biểu số 03LB/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Lâm Bình;
- Biểu số 03CH/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 03HY/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Hàm Yên;
- Biểu số 03SD/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Sơn Dương;
- Biểu số 03YS/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất huyện Yên Sơn;
- Biểu số 03TP/PL-RSX phân loại đất trồng rừng sản xuất thành phố Tuyên Quang.

d) Đất nuôi trồng thủy sản, gồm:

- Biểu số 04NH/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Na Hang;
- Biểu số 04LB/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Lâm Bình;
- Biểu số 04CH/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Chiêm Hóa;

- Biểu số 04HY/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Hàm Yên;
- Biểu số 04SD/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Sơn Dương;
- Biểu số 04YS/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản huyện Yên Sơn;
- Biểu số 04TP/PL-NTS phân loại đất nuôi trồng thủy sản thành phố Tuyên Quang.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

a) Đất ở nông thôn tại các vị trí còn lại:

- Biểu số 05NH/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Na Hang;
- Biểu số 05LB/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Lâm Bình;
- Biểu số 05CH/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 05HY/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Hàm Yên;
- Biểu số 05SD/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Sơn Dương;
- Biểu số 05YS/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại huyện Yên Sơn;
- Biểu số 05TP/PL-ONT phân loại đất ở nông thôn còn lại thành phố Tuyên Quang.

b) Đất ở đô thị:

- Biểu số 06NH/PL-ODT phân loại đất ở đô thị huyện Na Hang;
- Biểu số 06CH/PL-ODT phân loại đất ở đô thị huyện Chiêm Hóa;
- Biểu số 06HY/PL-ODT phân loại đất ở đô thị huyện Hàm Yên;

- Biểu số 06SD/PL-OĐT phân loại đất ở đô thị huyện Sơn Dương;
- Biểu số 06YS/PL-OĐT phân loại đất ở đô thị huyện Yên Sơn;
- Biểu số 06TP/PL-OĐT phân loại đất ở đô thị thành phố Tuyên Quang.

c) Xử lý đối với các thửa đất có chiều sâu lớn

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) trong đô thị được xác định theo vị trí của thửa đất ở liền kề hoặc thửa đất ở lân cận gần nhất trên cùng một đoạn đường đó (nếu không có thửa đất liền kề). Trường hợp chiều sâu của thửa đất (tính từ chỉ giới xây dựng đến hết thửa đất) lớn hơn 50 m thì từ mét thứ 51 trở lên được xác định theo vị trí thấp hơn liền kề hoặc bằng với vị trí của thửa đất đó (trường hợp không có vị trí thấp hơn liền kề) quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) ven trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) mà có chiều sâu tính từ chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đến hết thửa đất lớn hơn 60 m thì từ mét thứ 61 trở lên được xác định theo loại khu vực, vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại cao nhất liền kề quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) tại các vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại mà có chiều sâu lớn hơn 60 m thì từ mét thứ 61 trở lên được xác định theo vị trí thấp hơn liền kề hoặc bằng với vị trí của thửa đất đó (nếu không có vị trí thấp hơn liền kề) quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Thửa đất ở ven trục đường giao thông chính mà có chiều sâu tính từ chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ đến hết thửa đất lớn hơn 30 m thì từ mét thứ 31 trở lên được xác định theo loại khu vực, vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại cao nhất liền kề quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Trường hợp thửa đất trong đô thị, thửa đất bám trục đường giao thông chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) có vị trí bám từ 02 loại đường trở lên thì vị trí thửa đất đó được xác định theo loại đường được xếp loại cao nhất.

Điều 2. Quy định phân khu vực, phân loại đường, phố và phân vị trí đất quy định tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ để xác định giá đất thực hiện các chính sách pháp luật về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số

188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP.

Điều 3. Giao Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013 và thay thế Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 4; (Thi hành)
- Sở Tư pháp; (để kiểm tra)
- Chánh VP, các Phó VPUBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Chuyên viên ĐC;
- Lưu: VT.

(Báo
cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Phạm Minh Huân